



## LOGIC VĂN HOÁ CỦA “HỆ TƯ TƯỞNG ĐA SẮC TỘC” CỦA SINGAPORE(\*)

GEOFFREY BENJAMIN

### Lời giới thiệu

Singapore được nhiều người biết đến như là một quốc gia có nhiều nhóm tộc người khác nhau cùng chung sống một cách hoà bình mà đây đã trở thành một đặc điểm chung của nhiều xã hội đa tộc khác. Phần quan trọng của sự thành công này là do chính phủ Singapore đã tích cực ủng hộ đạo lý dựa trên ‘Hệ tư tưởng Đa sắc tộc’ - một hệ tư tưởng đảm bảo địa vị bình đẳng cho văn hoá và bản sắc tộc người của các ‘chủng tộc’ khác nhau được coi đã làm thành cư dân của một xã hội đa tộc người. (Đồng thời, cũng nên lưu ý rằng Hệ tư tưởng đa sắc tộc đóng vai trò *xác định* một quần thể cư dân đã phân chia ra thành một loạt các ‘chủng tộc’ riêng như vậy). Ở Singapore, trong suốt thập kỷ qua, hệ tư tưởng này đã đóng vai trò như là một nguồn sức mạnh to lớn chống lại một cách có hiệu quả sự kỳ thị tộc người và sự thành công của nó được thể hiện rõ ở mối quan hệ thoải mái và vô tư của người dân Singapore thuộc các tộc người khác nhau ở nơi công cộng. Chỉ có chút nghi ngờ là liệu tình trạng hoà hợp này có tiếp tục diễn ra trong tương lai hay không khi phần lớn trẻ em Singapore ở lứa tuổi học trò hiện nay đang tiếp thu một nền giáo dục mang tính liên kết về mặt tộc người và chuẩn mực hoá quốc gia (tiếng Anh là ngôn ngữ trung gian).

Tuy nhiên, trong bài viết này tôi sẽ thẩm định ‘Hệ tư tưởng Đa sắc tộc’ của

Singapore không phải như một đạo lý mà như là một thiết chế văn hoá và xã hội được dệt một cách gần như vô hình thành một tấm vải của đời sống dân tộc. Để đưa các vấn đề vào trọng tâm hơn, tôi sẽ bắt đầu bằng việc cường điệu hoá thực tế và coi Hệ tư tưởng Đa sắc tộc như một mô hình lý tưởng. Bằng cách giả thiết không có các nhân tố nào khác đang tác động có thể phát hiện ra lôgic tiềm ẩn của nó. Trên thực tế, tất nhiên Hệ tư tưởng Đa sắc tộc không phải là yếu tố ảnh hưởng duy nhất tới văn hoá và xã hội của Singapore; nhưng nó là một nhân tố chính mà người Singapore thảo luận sôi nổi hơn tất cả, được minh chứng bởi mức độ mà nó được người ta hiểu như hiện nay.

Độc giả có thể phản bác lại là, cách tiếp cận lý tưởng là nằm ngoài mối quan hệ với nhu cầu cần thiết cho cuộc thảo luận thực tế và sôi nổi về các vấn đề văn hoá và xã hội của Singapore. Cách tiếp cận này, như ở đây, càng không có nguồn tài liệu Dân tộc học hỗ trợ. Tuy nhiên, sự phân tích tiếp sau được trình bày chính xác trên những cơ sở thực tế mà trong một số năm nó đã thúc đẩy các cuộc thảo luận bổ ích về một loạt các vấn đề giữa các nhà khoa học xã hội nghiên cứu về Singapore. Nguồn tài liệu Dân tộc học sẽ chứng minh hoặc bác bỏ kết luận của báo cáo này lại chưa thu thập được và các đặc điểm văn hoá có khả năng hình thành do ảnh hưởng của tư tưởng Đa sắc tộc chỉ mới được nói tới một cách bóng gió mà thôi. Tuy nhiên, một lý luận nào đó về văn hoá

Singapore là tiền đề cho nghiên cứu để vượt ra ngoài cái ít có giá trị và tiểu luận này được giới thiệu như là một bước tiến tới một lý luận như vậy.

### Lời mở đầu

Thảo luận dưới đây là một cố gắng để xác định đặc điểm Hệ tư tưởng Đa sắc tộc như là một yếu tố cơ bản của nền văn hoá dân tộc Singapore. Tôi sẽ coi nó như là một trong những huyền thoại sáng lập của nước Cộng hoà (với ý nghĩa 'hiến chương cho hoạt động xã hội') và cố gắng để chỉ ra những ẩn ý của việc đưa các mệnh lệnh của huyền thoại này vào trong thực tế. Nhưng điều này không thể thực hiện được nếu không có được sự đánh giá nhất định về bản chất của tộc thuộc nói chung và đặc điểm riêng của quá trình tộc người ở Singapore. Hơn nữa, ngay ở một nhà nước dân tộc mới như Singapore, tiền đề của một loại nghiên cứu như vậy là cố gắng để xác định đặc điểm nền văn hoá dân tộc.

Trên đại thể người ta cho rằng có thể là vô ích, thậm chí vô nghĩa, để nói về một nền văn hoá dân tộc của một nước không có bề dày lịch sử lớn. Nhiều bài phát biểu cấp bộ trưởng ở Singapore trong những năm qua thuộc loại như vậy thường bằng cách ước đoán sự nổi lên của nền văn hoá Singapore đồng dạng và khác biệt là chưa thể xác định được trong tương lai (1). Nhưng tôi tin rằng quan điểm này là sai lầm. Trong bài viết này tôi ủng hộ quan điểm cho rằng thực ra Singapore có một nền văn hoá dân tộc, có thể nói, đó là một nền văn hoá theo nghĩa gần giống như 'văn hoá' của một 'dân tộc' mà nhà nhân học giới thiệu trong sách giáo khoa chuẩn và nền văn hoá Singapore đã và đang tồn tại (nhưng vẫn tiếp tục thay đổi) cho tới chừng nào bản thân Singapore còn tồn tại (2). Phục hợp tư tưởng Đa sắc tộc đã

thể hiện rõ ràng nhất các chủ đề và các mô hình nhận thức đã tạo nên nền văn hoá Singapore.

Một giả thuyết nữa trong báo cáo này là ứng xử xã hội trong cuộc sống hàng ngày quan sát được về mặt Dân tộc học hiểu được một cách rõ nhất khi nó nổi lên trong một trạng huống mà ở đó các nhân tố văn hóa bắt nguồn từ hệ thống dân tộc với tư cách là một tổng thể có trọng lực như là các nhân tố nổi lên từ các cấp độ thấp nhất của gia đình.

### Một số nguyên tắc Dân tộc học cơ bản

Đóng góp lớn lao của nhân học hiện đại đối với sự hình thành các hệ tư tưởng của thế giới là nó đã làm tan mối liên hệ nhân quả giả thiết giữa 'chủng tộc', văn hoá, ngôn ngữ, xã hội và môi trường. Chắc chắn vẫn còn nhiều hoạt động chống đối nhất là với việc tham khảo thành tố gen hay chủng tộc mang tính giả định (3). Nhưng tôi sẽ tiếp tục giả thiết rằng 'các chủng tộc' hoặc các nhóm có quan hệ về gen (tuy đã xác định), các hệ thống văn hoá và các nhóm xã hội là những loại thực thể khác nhau về bản chất, độc lập với nhau về mặt nguyên tắc và không đơn thuần là các khía cạnh của cùng một thực thể tiềm ẩn - cho dù những điều kiện của thế giới thực tại (nhất là các sự kiện lịch sử) đôi khi dẫn tới sự nhận thức sai lầm về sự phụ thuộc lẫn nhau mang tính nhân quả giữa chúng.

Không chỉ 'chủng tộc' và văn hoá mà theo số lượng bằng chứng ngày càng tăng (4), cả văn hoá và tộc người cũng độc lập với nhau. Các học giả cũng như những người không có chuyên môn thường tin rằng các nhãn hiệu tộc người biểu thị một cách khách quan hàng loạt biến thể về di truyền và văn hoá. Nhưng hiện nay điều rõ ràng là các nhãn hiệu tộc người sinh ra từ việc sử

dụng mang tính dân gian của người dân được nghiên cứu không nhất thiết phải thể hiện mối quan hệ chặt chẽ với các đặc trưng văn hoá, xã hội và gen trên thực tế của họ như là mối quan hệ của tên gọi của một cá nhân với những đặc điểm cá nhân thực của người đó. Thực ra, phép loại suy này là gượng ép: các nhãn hiệu tộc người với nghĩa này không khác gì mấy những cái tên-các nhãn hiệu của một bản sắc nhóm mang tính bẩm sinh mà bản sắc này ngay từ đầu đã hình thành lên từ một loạt các phạm trù nhận thức mang tính áp đặt, có nguồn gốc từ bên ngoài hơn là từ các 'sự thật' văn hoá trên thực tế. 'Nhóm tộc người' ở đây được dùng để chỉ một nhóm xã hội chứ không phải một nhóm cùng chia sẻ một nhóm gen chung hay một văn hoá chung như thường thấy. Định nghĩa của Brown (1974: 113) sẽ là hết sức thích hợp: 'Tộc thuộc chỉ các bản sắc xã hội dựa trên những sự khác biệt thực hay giả định về nguồn gốc'. Theo quan điểm này, mọi sự đồng nhất giữa trạng thái văn hoá hoặc gen và của cách phân loại tộc người mà bản thân người dân sử dụng dường như chỉ là ngẫu nhiên chứ không phải là kết quả mang tính quyết định của thực tế xã hội. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng một cá nhân, nhất là ở khu vực Đông Nam Á không nhất thiết bị giới hạn vào với một bản sắc tộc người đơn nhất ngay từ khi sinh; sự lựa chọn thường có thể diễn ra mà đôi khi từ thời khắc này sang thời khắc khác.

Văn hoá ở đây được coi như là một phức hợp tư tưởng được trao một cách khách quan và có nguồn gốc xã hội tương đối khác với ứng xử thực tế (5). Tôi đang sử dụng thuật ngữ rất gần với nghĩa về *tập thể có lương tâm* của Durkheim. Tuy nhiên, có một vài điểm mà cách dùng thuật ngữ 'văn hoá' này trái với cách sử dụng thuật ngữ bình

thường trong dân gian, nhất là ở Singapore - nơi thuật ngữ này được sử dụng một cách thường xuyên.

1. Không nhất thiết một văn hoá phải có chức năng 'phân biệt' cho dù chủ nghĩa dân tộc và thuyết trung tâm tộc người thường đòi hỏi một niềm tin như vậy.

2. Không nhất thiết các văn hoá phải có chức năng loại trừ nhau; luôn có mối quan hệ biện chứng liên tục giữa cá nhân con người và các văn hoá khác nhau (hay các mảnh vỡ của các nền văn hoá) có thể có đối với họ. Nói một cách khác, sẽ là vô nghĩa để nói một người nào đó là "một thành viên" của một nền văn hoá; chính xác hơn, cá nhân có sự lựa chọn chấp nhận hay chối bỏ các thành tố có nguồn gốc từ tất cả các nền văn hoá hiện diện trong môi trường xã hội của cá nhân đó (6). Mặc dù mọi văn hoá đều được xem một cách trừu tượng như một hệ thống tư tưởng có vẻ có giới hạn và liên kết tốt, nhưng các mảnh văn hoá hiện hữu trong suy nghĩ của bất kỳ một con người thực nào lại không nhất thiết phải tạo nên một hệ thống đồng dạng đơn nhất.

3. Một văn hoá không nhất thiết phải có những mối tương quan rõ ràng về mặt tộc người, dân tộc hay lịch sử: dường như mọi môi trường đều sẽ hoạt động để tạo ra một văn hoá khi nó có thời gian (chỉ cần vài giờ là đủ) và có đủ mối quan hệ tương tác về mặt xã hội.

### **Quan niệm liên kết đối lập với quan niệm biện chứng về văn hoá**

Những điểm trên đây dường như là hiển nhiên đối với các chuyên gia nghiên cứu về tộc người nhưng đa phần những người nghiên cứu nghiệp dư và nhiều học giả vẫn coi mối quan hệ giữa xã hội, văn hoá,

‘chủng tộc’, tộc người, và cá nhân là hoàn toàn mạng tính hỗ tương- trong khi đó bất cứ người nào giảng một khoá giới thiệu về nhân học cũng sẽ sớm phát hiện ra điều này. Tất nhiên, điều này không phải đúng với tất cả mọi người vì có một số loại trạng huống xã hội mà ở đó người ta dường như muốn xem mối quan hệ giữa năm yếu tố trên là mang tính hỗ tương hơn là mang tính biện chứng.

Dưới đây là một ví dụ khi người ta phân tích hay nói về xã hội trên cơ sở một mô hình mang tính chức năng-hữu cơ trong bối cảnh học thuật hay dân dã. Về mặt lịch sử, một sự kiện quan trọng chung đã diễn ra trước đây của thực trạng này là chủ nghĩa thực dân (bao gồm cả chủ nghĩa thực dân mới) xét ở mức nó ảnh hưởng tới cách người ta nhìn nhận về nhau. Chủ nghĩa thực dân là một hệ thống bóc lột về kinh tế đòi hỏi những kẻ đi bóc lột cần phải can thiệp trực tiếp vào việc quản lý một lãnh thổ nước ngoài. Nhưng làm như vậy sẽ đẻ ra mâu thuẫn giữa việc làm quen với bối cảnh địa phương để có thể kiểm soát được các công việc và việc giữ mình cách xa những mối quan hệ cá nhân với những người sẽ bị bóc lột. Với thực tế của thuộc địa Anh, mâu thuẫn này đã được giải quyết thông qua thiết chế ‘cai trị gián tiếp’ dựa trên giả thuyết là mỗi ‘chủng tộc’ có những đặc điểm riêng đã phát triển lên một cách hoàn hảo với việc thiết lập một cơ cấu chính trị đã duy trì mọi việc ở giai đoạn trước khi công cuộc thực dân hoá bắt đầu (7). Ở các thuộc địa của Anh, hai hậu quả chính thường xảy ra là: thứ nhất, ở bối cảnh địa phương, các bản mẫu về chủng tộc đã cung cấp cả những cơ sở chính thức và không chính thức cho mối

quan hệ tương tác xã hội (8); thứ hai, nguyên lý cấu trúc-chức năng mang tính hữu cơ, với giả thiết về trạng thái cân bằng tự nhiên đối với mỗi ‘xã hội’ có biên giới rõ ràng, đã trở thành ngôn ngữ chuyên môn mà với nó người ta phân tích các xã hội thuộc địa (9).

Ở đây tôi chỉ bàn về hệ thống phân loại tộc người cụ thể trong dân gian mà lịch sử thực dân đã để lại cho đất nước Singapore hiện đại, một hệ thống phân loại tộc người mà ngay hiện nay có rất ít người Singapore đặt nghi vấn. Có một nghịch lý là cuộc xâm lược của Nhật Bản trong Thế chiến II và các phong trào dân tộc chống thực dân tiếp sau nó ở Ấn Độ, Trung Quốc và Indônêxia chỉ đóng vai trò khẳng định rõ những bản sắc tộc người riêng đã phát triển ở Singapore dưới thời thống trị của thực dân Anh. Mỗi nhóm tộc người hiện nay đều xác định mình thông qua sự nhận thức chính trị ngày càng tăng về đất nước ‘quê hương’ của nhóm tộc người đó. Điều này đã có ảnh hưởng ngẫu nhiên tới sự hoà tan đặc trưng đa sắc tộc của Singapore thành hệ thống tiêu chuẩn gồm ba yếu tố Trung Quốc- Mã Lai - Ấn Độ, nơi mà trước đây các nhãn hiệu tộc người khác là giống như hiện nay. (Tuy nhiên, các nhãn hiệu tộc người khác đang được sử dụng đầy đủ một cách không chính thức).

Mục đích của bài viết này còn là xác định đặc điểm hệ thống ‘ý thức chung’ về các giá trị và các phạm trù dựa trên cơ sở tộc người mà người Singapore thường sử dụng trong khi nói về xã hội của họ, và còn để chỉ ra rằng chừng nào các phạm trù này còn được gắn vào các vấn đề phi tộc người, cách tiếp cận với đời sống mang tính Đa sắc tộc tạo nên sự phản ánh một nền văn hoá dân tộc Singapore hiện hữu.

## Chủ nghĩa đa sắc tộc như là một hệ thống văn hoá

Nếu đúng quan niệm về Hệ tư tưởng Đa sắc tộc là sự phản ánh một nền văn hoá Singapore đang tồn tại, thì các kết quả có thể xác định được phải hiện diện rõ ràng trong tổ chức xã hội và văn hoá của Singapore. Trong một xã hội đa sắc tộc, người ta có thể trông đợi là :

1. 'Cùng' một nhóm tộc người sẽ có ý thức về tộc người mạnh mẽ hơn rất nhiều so với trong một xã hội có một hệ tư tưởng 'phi chủng tộc'.

2. Sẽ có một khuynh hướng làm cho thực tế xã hội phù hợp với lý luận nhân quả về tộc người hoặc thậm chí về chủng tộc. Có thể làm giảm sự bất đồng về mặt nhận thức mà tới lượt nó lại đe dọa tới kết quả như sau:

a. Bằng cách thay thực tế bằng khuôn mẫu mà ở ví dụ thứ nhất là khuôn mẫu tộc người; nhưng bằng phép loại suy việc ứng dụng cách nghĩ theo khuôn mẫu cũng có thể mở rộng ra tới cả sự nhận thức về các vấn đề phi tộc người.

b. Bằng cách khẳng định lại, sáng tạo ra, hoặc nếu không thì tuyên truyền ý tưởng về các văn hoá 'truyền thống' không biến đổi mà người ta đã xa rời nhưng nghĩa vụ của họ là phải quay trở lại với chúng.

c. Bằng cách thể hiện những mối quan tâm sâu sắc đối với việc xác định biên giới giữa các tộc người cũng có thể còn bằng cách loại suy trong các lĩnh vực nhận thức khác nữa.

3. Phép loại suy mang tính hữu cơ (hay đúng hơn : mang tính cơ thể sinh học) theo nguyên lý chức năng mà nó tất nhiên có thể trở thành đối tượng của những nỗi sợ hãi về

ranh giới sẽ cũng dẫn tới một quan điểm thống nhất xem nhà nước dân tộc như là một cơ thể mà các bộ phận cấu thành của nó là 'các chủng tộc' khác nhau (10), mỗi chủng tộc có chức năng và đặc điểm riêng của nó. Bằng phép loại suy, mối quan hệ của cá nhân với văn hoá, xác định của cá nhân đó sẽ được coi là mang tính hữu cơ: người ta cho rằng việc tước bỏ đi văn hoá truyền thống của một tộc người sẽ dẫn tới sự rối loạn về tổ chức của cá nhân.

Còn bao xa nữa các khuynh hướng này mới có thể được nhận ra ở Singapore? Các cố gắng không nhằm cung cấp sự giải thích tổng thể về quá trình tộc người hay văn hoá của nước Cộng hoà mà chỉ nhằm xác định đặc trưng của các khuynh hướng đó mà dường như là kết quả của việc chấp nhận mô hình Đa sắc tộc như một sự hướng dẫn hoạt động xã hội. Các mô hình văn hoá với các hậu quả không giống nhau tất nhiên cũng sẽ được tiếp nối ở Singapore (xem trang 72). Bây giờ tôi sẽ thảo luận trạng huống thực tế có liên quan tới từng quan điểm lý luận vừa nêu.

1. Điều mà người Singapore có ý bày tỏ mối quan tâm riêng của mình đối với bản sắc tộc người được thể hiện hết sức rõ ràng với các du khách đến từ các nước mà ở đó có nhóm tộc người 'tương tự' đang sinh sống như Hồng Kông hay Đài Loan ('người Trung Quốc'), Ấn Độ, Pakistan hay Srilanca ('người Ấn') và Indônêxia ('người Mã Lai'). Điều đầu tiên người Singapore thường muốn biết về người khác có phải người đó là người Trung Quốc, Ấn Độ hay Mã Lai không; các tiêu chuẩn khác có thể có như tầng lớp, lứa tuổi, bằng cấp có tầm quan trọng thứ hai trong việc đặt một người nào đó vào sơ đồ

phân loại. Điều kiện này không còn là cần thiết khi các cá nhân đã biết về nhau nhưng sự thật là ở Singapore ‘chủng tộc’ vẫn là cơ sở của sự phân loại vĩ mô (11). Điều có ý nghĩa là chúng minh thư của từng công dân phải có xác nhận ‘chủng tộc’ mà người mang chứng minh thư thừa nhận (hoặc khẳng định) thuộc về chủng tộc đó bằng luật.

2a. Không cần thiết phải đưa ra các ví dụ về bản mẫu tộc người ở Singapore khi những người quen thuộc với bối cảnh địa phương đã biết quá rõ về chúng. Dẫu vậy, cái có thể bình luận được một cách có ích ở đây là sự dễ dàng nhờ đó các bản mẫu xã hội khác được sử dụng theo cách tương tự như cách đánh nhãn hiệu tộc người, như là sự thay thế cho những đánh giá thực tế trực tiếp hơn. Phần lớn cuộc thảo luận chính thức hay không chính thức về các khuynh hướng được xã hội Singapore thể hiện đã không thoát qua được rào chắn của các loại khuôn mẫu sáo mòn như người nước ngoài/người trong nước, được giáo dục bằng tiếng Trung Quốc/ được giáo dục bằng tiếng Anh, tầng lớp lao động/tầng lớp trung lưu. Mỗi thuật ngữ của những cặp đối lập này được gán cho một số đặc điểm nhất định mà dường như không thành viên nào của một phạm trù tránh khỏi. Kết quả là người Singapore thường tranh cãi, chẳng hạn, về những thái độ có thể là hoàn toàn khác nhau đối với cuộc sống của những người được giáo dục bằng tiếng Trung Quốc đối lập với những người được giáo dục bằng tiếng Anh trong khi bỏ qua một sự thật là bản thân nhiều nhóm anh chị em tiếp tục chung sống trong cùng các hộ gia đình cũng bị phân chia theo những cách như vậy (12).

2b. ‘Văn hoá’ với tư cách là một đối tượng của cuộc tranh luận công khai ở

Singapore thường có nghĩa là một nền văn hoá truyền thống có ranh giới về mặt tộc người, một Thời kỳ vàng son mà mỗi ‘chủng tộc’ có thể nhìn lại để tạo nguồn cảm hứng. ‘Nền văn hoá Singapore’, trong một số dịp khi thuật ngữ này được sử dụng, thường không phải chỉ bất kỳ sự tổng hợp hay sự cải cách mang tính Singapore mới nào mà đơn giản là chỉ một sự kết tinh các truyền thống văn hoá mang tính Trung Quốc, Mã Lai, Ấn Độ và Âu Châu riêng rẽ. Mỗi ‘văn hoá’ vẫn không thay đổi và không hoà tan vào các văn hoá khác (cho dù tất nhiên một số yếu tố văn hoá đã trở thành của chung cắt chéo qua các ranh giới tộc người). Đây ít ra là mô hình văn hoá Singapore chuẩn (13). Bộ trưởng về các vấn đề xã hội đã bày tỏ một vài khía cạnh của quan điểm này trong bài phát biểu của mình vào đầu năm 1973: “Mục tiêu của việc xây dựng một dân tộc từ nhiều sắc tộc đòi hỏi phải có một nền văn hoá dân tộc thống nhất gồm những tình cảm và những giá trị của bốn văn hoá vĩ đại đang tồn tại trong lòng chúng ta” (14).

Tuy nhiên, người ta không nhất thiết phải là một nhà Dân tộc học hay một nhà Lịch sử-văn hoá mới có thể nhận ra rằng tình trạng này thể hiện mang tính nghịch lý một sự tái tạo văn hoá. Nhằm thể hiện được cái riêng của mỗi văn hoá trong số bốn văn hoá thì những điểm khác biệt của chúng phải được nhấn mạnh còn những điểm tương đồng của chúng buộc phải hạ thấp xuống và hình thức thể hiện phải được phát triển để thể hiện được tình trạng riêng rẽ-nhưng có vị trí bình đẳng của các văn hoá đó. Tôi có thể đưa ra một ví dụ đơn giản đó là hình ảnh bốn bàn tay nắm vào nhau nhưng lại có màu sắc khác nhau mà hình ảnh này được thể hiện ở mặt sau của tờ 10 đô la của Singapore. Sự lập

đi lặp lại việc phân loại Trung Quốc - Mã Lai - Ấn Độ - Á Âu trong các cuộc Tổng điều tra dân số, trong các Báo cáo của các Cục quan tâm về chính sách xã hội và trong các trường học đã gây sức ép đáng kể buộc người dân phải tự xem mình như là đã được xác định về mặt tộc người. Hai thiết chế chính đã nổi lên để thể hiện cho ý tưởng này: 'Trình diễn văn hoá' và tổ chức phát thanh và truyền hình (đặc biệt là truyền hình).

Trình diễn văn hoá gồm một loạt các điệu nhảy hay biểu diễn âm nhạc thường có một tiết mục của người Trung Quốc, một tiết mục của người Ấn Độ và một tiết mục của người Mã Lai mà mục đích của nó là để đạt được việc thể hiện các 'văn hoá' thành phần hơn là cung cấp một chương trình giải trí buổi tối có giá trị thoả đáng về mặt nghệ thuật. Như Bộ trưởng về các vấn đề xã hội đã nói tại một buổi trình diễn văn hoá:

Tất cả chúng ta có thể góp sức trong việc pha trộn một hợp kim văn hoá có sức hấp dẫn lâu bền đối với tất cả người Singapore. Các sắc tộc khác nhau phải học để biết khoan dung và trân trọng các triết lý và truyền thống của nhau trước khi chúng ta có thể liên kết về mặt văn hoá. Một trạng huống như vậy chỉ có thể tồn tại nếu mỗi nhóm sắc tộc đã làm quen với và hiểu văn hoá của các nhóm sắc tộc khác. Tôi hy vọng rằng các nhóm văn hoá khác nhau ở Singapore sẽ thích nghi với các vở kịch hoặc các điệu nhảy của các cộng đồng khác nhờ vậy tất cả người Singapore đều có thể hiểu biết tốt hơn và cùng chia sẻ với nhau các nền văn hoá dân gian của người Mã Lai, Trung Quốc và Ấn Độ.

Không cần phải nói các hình thức giải trí do người Singapore lựa chọn tự do thường

không phải là các trình diễn văn hoá mà việc trình diễn và tham gia là vì nghĩa vụ đạo đức hơn là trách nhiệm nghệ thuật.

Mối quan tâm đối với việc thể hiện về mặt tộc người hơn là thoả mãn về mặt nghệ thuật còn được thể hiện qua các vở kịch do các địa phương sáng tác và trình bày được phát trên chương trình tivi của nước Cộng hoà mà các vở kịch này thường do các diễn viên đồng nhất về 'sắc tộc' trình bày phù hợp với ngôn ngữ được sử dụng và chúng chưa bao giờ đề cập tới các vấn đề ngoài vấn đề gia đình. Ngoài những khác biệt nhất định về tôn giáo chính thống (đối lập với tôn giáo truyền thống mang tính 'thực hành'), chỉ là những khác biệt trong lĩnh vực gia đình nơi 'các sắc tộc' khác nhau ở Singapore vẫn duy trì ở mức độ đầy đủ sự khác biệt về văn hoá (15). Vì những khác biệt về tôn giáo chính thống còn hàm nghĩa chính trị, chẳng có gì trong lĩnh vực cuộc sống ngoài gia đình ở Singapore có thể đóng vai trò như là phương tiện chuyển tải những sự khác biệt về mặt sắc tộc mang tính khuôn mẫu mà mô hình Đa sắc tộc đòi hỏi các phương tiện thông tin đại chúng phải tuyên truyền. Điều này trái ngược với cả việc tổ chức các chương trình biểu diễn kịch trên truyền hình Mã Lai và với các loại chương trình biểu diễn về âm nhạc, kịch và múa được trình bày mang tính thương mại ở Singapore cho mục đích nghệ thuật hoặc giải trí. Các vở kịch trên truyền hình về người Mã Lai được thể hiện bằng tiếng Mã Lai như một quốc ngữ nhưng được trình diễn bởi người thuộc tất cả các nhóm tộc người (16); trong khi ở giai đoạn quảng cáo không có cố gắng nào nhằm thể hiện một hình ảnh tộc người công khai ngay cả trong những trường hợp mà hình thức như

vậy chỉ gây sự hứng thú cho một nhóm tộc người đơn lẻ mà thôi.

Từ quan điểm của nhà Dân tộc học và Lịch sử-văn hoá thì tình trạng này đã gây ra những hậu quả đáng quan tâm. Trước hết, nó đang gây ra sự thoái hoá văn hoá đáng kể ở Singapore, trong đó mỗi 'văn hoá' xoay về với chính mình theo kiểu ăn thịt đồng loại, đấu tranh để thể hiện nhiều hơn cái riêng của mình. Thuật ngữ 'văn hoá' được sử dụng ngày càng nhiều chỉ để chỉ loại các hình ảnh tưởng tượng mà có thể trình diễn trong suốt một giai đoạn hoặc được viết thành sách và ngày càng ít có giá trị đối với các khuôn mẫu nằm đằng sau đời sống hiện đại hàng ngày của những thường dân Singapore (17).

Thứ hai, tình trạng này có nghĩa là các hình thức nghệ thuật (hay 'văn hoá' cao cấp) ở Singapore có vẻ như không chiếm được sự ủng hộ chính thức và sự trợ giúp về tài chính - những cái đã giúp chúng sống sót ở phần lớn các nước khác. Những sáng tạo cá nhân (và vì thế mang tính 'phi sắc tộc') sẽ được xem một cách thiện cảm nhất như là không có liên quan tới các nhu cầu của Singapore; còn sẽ được xem một cách thiếu thiện cảm, như là những dấu hiệu của sự suy đồi có gốc từ nước ngoài - gốc 'phương Tây'(18).

Thứ ba, những tiền đề tri thức trong những lĩnh vực nhất định dường như bị bóp méo do bị gắn vào với mô hình Đa sắc tộc. Ở đây, tôi chỉ đề cập tới hai ví dụ: sự khẳng định mà với nó, sơ sử của Đông Nam Á vẫn đang được thảo luận trong các nhà trường của Singapore trong khuôn khổ của một giả thuyết cứng nhắc về các làn sóng di cư mang tính chủng tộc riêng từ Tây Nam Trung Quốc, dù nguồn thông tin có thể có được

cho thấy rằng giả thuyết này là sai; và việc áp dụng thiếu suy nghĩ cách phân loại cư dân Singapore theo kiểu Trung Quốc-Mã Lai-Ấn Độ - Các sắc tộc khác trong nghiên cứu ứng xử như thể đó là một xuất phát điểm tự giải thích mà bản thân nó không cần nghiên cứu thêm.

2.c Không cần phải đưa ra nhiều ví dụ về các cơ chế biên giới giữa các dân tộc như đã phát hiện thấy ở Singapore. Ở đây tôi chỉ đề cập tới thực tế của việc đồng hoá con cái của các cuộc hôn nhân hỗn hợp về mặt tộc người vào nhóm của cha hoặc mẹ của chúng, thường là vào nhóm cha. Điều thú vị có liên quan cần lưu ý ở đây là khuynh hướng trẻ em sinh ra từ các cuộc hôn nhân hỗn hợp giữa người Ấn Độ và người Trung Quốc trở thành 'người lai Á-Âu'(19)", còn trẻ em Trung Quốc sinh ra đại để có thể gọi là 'Babas'-thì được Hán hoá trở lại để trở thành người Trung Quốc Hokkien (20): đây là những cách thuận tiện để duy trì biên giới tộc người trong khi thay đổi nội hàm của chúng. Liên quan nhiều hơn tới tranh luận này là bằng chứng về mối quan tâm tới việc xác định biên giới cũng được thể hiện trong các lĩnh vực khác của văn hoá. Hai khuynh hướng gần đây ở Singapore thể hiện điều này.

Hiện nay đôi khi các biện pháp chính thức đã được áp dụng để đảm bảo rằng tóc của nam giới luôn được cắt ngắn (nghĩa là không được để dài phủ cổ áo hoặc tai hay chấm lông mày). Các áp phích được trưng ở các cơ quan công cộng (21) để cảnh báo với mọi người rằng nếu họ có kiểu tóc cắt không phù hợp họ sẽ được phục vụ sau cùng; không ai được nhập cảnh nếu tóc của người đó không đủ ngắn. Những lý lẽ được đưa ra để hợp lý hoá việc cấm một kiểu tóc ở

Singapore mà đó được coi là bình thường ở nhiều nước khác là từ câu chuyện về bộ chét và hơi nóng nhiệt đới đến lời khẳng định là tóc dài gây ra tình trạng phạm tội. Rõ ràng, bất kể còn cái gì nữa nằm đằng sau nó, vấn đề này chính hoàn cảnh đất nước Singapore đòi hỏi phải được giải thích như là một hình thức ứng xử mang tính biểu tượng. Có một điểm nhỏ trong việc phát triển lập luận này của tôi ở đây trong khi nó đã được Mari Doglas trình bày trên đại thể trong cuốn sách gần đây của mình (22). Singapore cung cấp một trong những ví dụ tốt nhất về một xã hội mà ở đó việc duy trì ranh giới xét ở mức độ thể hình được thể hiện một cách biểu tượng bằng mối quan tâm lớn tới sự gọn gàng của hình dáng bên ngoài của sự hoàn hảo của cơ thể.

Một phân bằng chứng thứ hai gắn liền với bằng chứng thứ nhất có liên quan tới ý tưởng riêng của người Singapore về 'ô nhiễm xã hội'. Cách đây không lâu có một chiến dịch kéo dài vài tuần với khẩu hiệu 'giữ Singapore trong sạch' quan tâm tới việc chống lại một môi trường rác tự do. Tuy nhiên, vào đầu chiến dịch, điều được làm rõ là việc làm trong sạch có rất nhiều việc phải làm với việc cắt xén tóc để dài và cắt cử người bảo vệ để chống lại 'sự ô nhiễm về mặt xã hội', như thể là chỉ làm với sự bản thủ về hình thể. Người ta tin rằng 'sự ô nhiễm xã hội' theo sau sự xâm nhập của những tư tưởng lạc lõng mang theo chúng một cách nhìn có ảnh hưởng xấu tới sự phát triển của 'đạo đức Châu Á' từ 'phương Tây'. Sự tưởng tượng trước đây đã (và đang tồn tại) là về lý thuyết mầm mống của bệnh tật: ý tưởng về 'ô nhiễm xã hội' ngụ ý Singapore là một cơ thể mà phạm vi cơ thể dễ bị tổn thương của nó cần phải được bảo vệ

bằng mọi giá. Dường như là một quốc gia chỉ có thể được bảo vệ bằng cách áp dụng một phương pháp vệ sinh thích hợp (23). Những đặc tính có sức thâm nhập và tiềm năng cao được gán cho các ảnh hưởng 'phương Tây', tôi tin, phải được xem như là một sự thừa nhận trong tiềm thức vai trò trung gian trên thực tế của nền văn hoá đang bị phương Tây hoá ở Singapore trong sự giao tiếp giữa các tộc người. Như vậy, văn hoá phương Tây ở Singapore là một chất hoà tan nhanh chóng sự khác biệt tộc người và gây mối đe dọa tương ứng đối với việc duy trì hệ tư tưởng Đa sắc tộc. 'Châu Á' và 'phương Tây', vì vậy, chẳng khác gì mấy so với các từ đồng nghĩa 'Đa chủng tộc' và 'Phi chủng tộc' theo thứ tự tương ứng: vì Hệ tư tưởng Đa sắc tộc hiện nay đang là một cái tốt lý tưởng, 'phương Tây' bắt đầu có vai trò trong thuật ngữ Singapore như là một mã từ-chỉ sự độc hại. Thực ra, việc sử dụng từ 'phương Tây' một cách công khai như là một tính ngữ thường hoàn toàn không có nội hàm lịch sử và địa lý nào; nó đơn giản chỉ như một lời chỉ dẫn đối với tất cả những gì mà người nói bỗng nhiên không thích. Thái độ giống như kiêng cấm đối với các thứ 'phương Tây' tất nhiên cần phải xem như là chống lại cơ sở đời sống thực ở Singapore, một nước ở Đông Nam Á trên thực tế gần như đã bị phương Tây hoá hoàn toàn.

3. Nếu quan điểm liên hợp mang tính hữu cơ của nhà nước được chấp nhận thì cái tiếp sau nó sẽ là mỗi thành phần 'sắc tộc' sẽ gán cho mình một bảng danh mục các đặc điểm ứng xử xác định mang tính khuôn mẫu. Tôi chùng mực bản sắc Singapore ở cấp cá nhân sẽ phụ thuộc đáng kể vào mức độ mà mỗi cá nhân có thể khẳng định được mối quan hệ thành viên của mình thuộc một

trong số bốn 'sắc tộc' (24) thì chúng ta cần phải tin rằng mối quan hệ ứng xử thực tế sẽ thể hiện một khuynh hướng biến đổi để phù hợp với những mong đợi sinh từ các bản mẫu 'sắc tộc'. Nói một cách khác, hệ tư tưởng Đa sắc tộc của Singapore đặt người Trung Quốc dưới một áp lực trở thành người mang tính Trung Quốc nhiều hơn, người Ấn Độ mang tính Ấn Độ nhiều hơn và người Mã Lai mang tính Mã Lai hơn trong ứng xử của họ. Trong khi bằng chứng chứng minh cho điều này tôi đã đề cập tới sự nuôi dưỡng mang tính tích cực truyền thống của văn hoá mà du khách từ các nước láng giềng đã nhận thức được khi họ tới Singapore. Thật thú vị khi quan sát thấy rằng các nhà lãnh đạo về chính trị và văn hoá trong nội bộ các nhóm tộc người của Singapore thường nói công khai như thể là bản thân họ chấp nhận các khuôn mẫu thích hợp hay không thích hợp mà những người khác gán cho họ. Ví dụ, người ta đã nghe các bộ trưởng trong chính phủ thuộc thành phần dân tộc Mã Lai khuyến khích các khán giả người Mã Lai không nên quan tâm nhiều tới các vấn đề nông nghiệp và nên định hướng một cách tích cực hơn nữa theo cuộc sống đô thị - mặc dù thiếu các bằng chứng để chứng minh rằng người Mã Lai ở Singapore thể hiện một thế giới quan 'nông thôn', và bất chấp bằng chứng rõ ràng là họ gần giống như người thành thị về diện mạo bên ngoài như các thành viên của bất kỳ nhóm tộc người khác (25). Mặt khác, trong khu của người Trung Quốc gần đây có một khuynh hướng tuyên truyền quan điểm đạo đức của Khổng giáo thậm chí tới mức là khuyến khích lòng trung thành theo kiểu 'lòng hiếu thảo' đối với các thiết chế công cộng và 'khôi phục' mô hình gia đình mở rộng (mà mô hình này-cũng như nó đang tồn

tại- hiếm thấy ở tổ tiên của cộng đồng người Singapore-gốc Trung Quốc (26). Bất chấp sự phản đối của các nhà lãnh đạo trong chính phủ những người được thông tin tốt hơn về thực tế xã hội Singapore, các cuộc dàn xếp đã được tiến hành để các tư tưởng như trên được dạy cho các lớp tiểu học của hệ thống giáo dục quốc gia như môn giáo dục công dân và giáo dục đạo đức và công dân của một khoá học gọi là 'Giáo dục vì cuộc sống' (27).

Mối quan hệ của cá nhân đối với văn hoá xác định của mình cũng đã trở thành một vấn đề chính trị trong hệ thống giáo dục của Singapore. Sự đánh giá được tuyên bố công khai đối với chính sách 'song ngữ' ở các trường học không đơn giản như người ta thường trông đợi, nhu cầu làm dễ dàng hơn nữa sự giao tiếp giữa các tộc người trong một xã hội đa ngôn ngữ. Thay vào đó, sự nhấn mạnh dựa trên nhu cầu cung cấp cho từng người dân Singapore một 'nền tảng văn hoá' bao gồm văn hoá truyền thống đã được xác định về mặt tộc người mà được xem như là kế thừa được trong cái gọi là 'tiếng mẹ đẻ' của người đó. Quan điểm này do Bộ trưởng giáo dục nêu ra vào tháng một năm 1973:

"...một hệ thống giáo dục lý tưởng hơn là một hệ thống giáo dục mà trong đó mọi trẻ em được hưởng nền giáo dục bằng ngôn ngữ mẹ đẻ trước tiên... Trẻ em của chúng ta trong những năm hình thành cá tính của chúng phải nắm được các văn hoá truyền thống, các giá trị và quan niệm về đạo đức hiện hữu. Khó có thể truyền các giá trị này qua một ngôn ngữ thứ hai... Nếu chúng ta muốn sử dụng các văn hoá truyền thống hiện tồn như là 'cơ sở' của chúng ta, chúng ta phải sử dụng tiếng mẹ đẻ như là một

phương tiện trung gian trong giảng dạy, chỉ theo cách này tinh hoa của các văn hoá mới có thể được hấp thụ...”.

Những căng thẳng và mâu thuẫn trong tình huống như vậy trở nên lập tức rõ ràng khi chúng ta thấy rằng cái gọi là ‘các ngôn ngữ mẹ đẻ’ của Singapore được công nhận một cách quy ước (tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Mã Lai, tiếng Tamil và có thể là cả tiếng Anh nữa) được lựa chọn cho mục đích giáo dục như là ‘những ngôn ngữ thứ hai’ thường không những không rõ ràng mà còn nhầm lẫn nữa (29). Nói một cách khác, tiếng mẹ đẻ của một người không phải là thứ tiếng mà người đó đã dùng để nói với người mẹ của người đó ở thời thơ ấu mà là ngôn ngữ được coi thuộc về ‘sắc tộc’ mà người đó xác định là có mối quan hệ thành viên dù trên thực tế có nói ngôn ngữ đó hay không. Điều này dẫn tới những hậu quả mà nếu xem xét một cách hợp lý có lẽ không phải là những hậu quả mong muốn. Mặc dù chính sách giáo dục chính thức có liên quan tới ngôn ngữ được người ta gắn nhãn là ‘Chính sách song ngữ’, song trẻ em ở lứa tuổi tới trường phải vật lộn với hai ngôn ngữ từ thời gian học ở trường tiểu học trở đi trên thực tế đã dẫn tới sự tồn tại của ba ngôn ngữ: chẳng hạn, tiếng mẹ đẻ thực của một học sinh là Hokkien, trong khi cậu ta lại được nhận vào một trường dòng tiếng Anh nơi mà nhiều môn học được giảng bằng tiếng phổ thông Trung Quốc. Vậy nên hàng trăm nghìn học sinh sẽ sớm tiếp thu học vấn đồng thời bằng hai ngoại ngữ. Việc lồng mô hình văn hoá Singapore vào việc giáo dục cá nhân không chỉ hạn chế ở các cấp tiểu học. Khoảng một năm trước đây, một nhân viên dân sự có ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Mã Lai, nhưng ngôn ngữ thứ hai lại là tiếng Anh và thành phần

dân tộc là người Trung Quốc, đã không được phép tham gia vào kỳ thi kiểm tra ngôn ngữ bằng tiếng Mã Lai trên cơ sở (được tuyên bố trong bức thư trả lời chính thức tờ báo Straits Times) là ‘tất nhiên’ người ta phải được kiểm tra bằng tiếng ‘mẹ đẻ’ của mình mà trong trường hợp này được xác định là tiếng phổ thông Trung Quốc, một ngôn ngữ mà nhân viên dân sự đang bàn tới không hề biết (30).

Có lẽ kết quả nghiêm túc nhất của việc tán thành mô hình xã hội mang tính hữu cơ là sự thoải mái mà với nó người ta có thể đi tới việc chấp nhận thuyết quyết định luận về gen như là một lời giải thích cho sự ứng xử và như là cơ sở tri thức cuối cùng cho những ai cảm thấy có nhu cầu hợp lý hoá tình trạng văn hoá. Đồng thời, có một mối quan tâm đáng kể thể hiện trong các vấn đề về gen ở mức chính thức:

Nhà xuất bản Mirro vào năm 1970 đã xuất bản một số bài báo và báo cáo về các bài phát biểu về chủ đề này. Mối quan tâm này sau đó đã không còn nữa nhưng không phải trước khi thuyết di truyền đã trở nên có một số ảnh hưởng tới chính sách và sự phân loại chính thức. Ví dụ, các ý tưởng của Jesen, Darlington và Eysenck được đưa ra ở Quốc hội như những nhận định đánh giá về chương trình Kế hoạch hoá gia đình (được xem một phần như là một công cụ để tránh sự lan rộng gen của tầng lớp lao động được coi là kém tài trí thành một quân thể cư dân lớn), cũng như về bản thân Hệ tư tưởng Đa sắc tộc. Tên gọi kỳ quặc ‘Cơ quan ưu sinh học (eugenics)’ đã được đặt cho một uỷ ban đã bị giải thể gần đây mà uỷ ban này giải quyết các trường hợp có vấn đề trong thời gian giới thiệu việc nạo thai đã được hợp pháp hoá ở nước Cộng hoà. Ít nhất một nhà báo có tên tuổi ở Singapore thường xuyên

công bố các mẫu tin nhắc đi nhắc lại ‘những phát hiện’ cuối cùng mà ‘những điều như đặc tính dân tộc hoặc khả năng trồng trọt là do gen quyết định’ (31). Dù một số nhà lãnh đạo và phóng viên đã đưa ra những lập luận trái ngược, công chúng nói chung đã không tham gia vào cuộc tranh cãi này: các học giả chuyên môn đã không phê phán gì ngoài những chi tiết lập luận ít giá trị trong khi không hề đả động gì tới nguyên tắc chung. Đường như thể là kinh nghiệm của các thiết chế Đa sắc tộc có thể gây ảnh hưởng làm cho một số người Singapore tin rằng việc xác định gen phải là sự lý giải cuối cùng cho những gì họ quan sát thấy xung quanh họ.

Những sự lý giải mang tính tri thức bản địa đối với Hệ tư tưởng Đa sắc tộc kết hợp cả sinh học-dân gian và xã hội học-dân gian. Đa số các cuộc thảo luận về bản chất xã hội Singapore xử lý nó-như người ta có thể hy vọng dựa vào cơ sở tổ chức- như là một sự liên kết chặt chẽ, một phạm trù, sự tự do của những đối lập trong nội tại. Như là một cơ thể khoẻ mạnh, chỉ có sự nhiễm khuẩn bên ngoài mới có thể phá hoại được (mà điều này như tôi đã đề cập, tiến tới việc giải thích sự chăm sóc để bảo vệ các đường ranh giới Quốc gia để chống lại sự ảnh hưởng của nước ngoài- thường là ảnh hưởng của ‘phương Tây’). Tuy nhiên, các xã hội trên thực tế cũng chẳng phải liên hợp hay liên kết mà bao gồm một loạt các thiết chế bán-tự trị xung đột với nhau cũng như đan vào nhau. Bây giờ cho phép chúng tôi xem xét một số mặt đối lập đã hình thành trong xã hội Singapore như hiện nay và xem xét tới mức

độ nào những mặt đối lập này đã phát sinh từ việc thực hiện mô hình văn hoá Đa sắc tộc mà tôi đã cố gắng phân tích ở trên. Trước hết, tôi xem xét các tác động của Hệ tư tưởng Đa sắc tộc tới từng nhóm tộc người thành phần sau đó tới những hàm ý của nó đối với sự phát triển của nền văn hoá dân tộc Singapore có thể nhận ra một cách rõ ràng hơn.

(Kỳ sau đăng tiếp)

**Đặng Minh Ngọc** dịch  
**Nguyễn Văn Thắng** hiệu đính

(\*) Dịch từ tác phẩm: Geoffrey Benjamin. *The Cultural Logic of Singapore's "Multiracialism"*, trong sách: *Singapore: Society in Transition*, Edited by Riaz Hassan, Kuala Lumpur, Oxford University press, London Newyork Melbourne, 1976.

Các phiên bản trước của báo cáo này đã được trình bày để thảo luận tại các hội thảo chuyên đề tại Khoa Xã hội học, Đại học Singapore và tại các cuộc gặp gỡ của các nhóm thảo luận liên ngành Đông Nam Á tại Trường Đại học quốc gia Úc và Đại học Monas. Một số cá nhân đã vui lòng đọc toàn bộ báo cáo; thậm chí dựa vào việc kiểm định một cách kỹ lưỡng hơn nguồn tài liệu Dân tộc học, một số đã cố gắng một cách can đảm chống lại các giả thiết của tôi. Tôi học được nhiều điều từ các ý kiến đóng góp thường là mang tính phê phán của cả những người tham gia thảo luận lẫn bạn đọc. Đường như họ không muốn gắn tên mình vào một báo cáo thiên vị mà báo cáo này vẫn còn được lưu giữ; nhưng họ biết họ là ai và dấu sao tôi cũng cảm ơn họ.